

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2022/DS-PT
Ngày: 29 - 8 - 2022
V/v: Tranh chấp về yêu cầu
trích công sức đóng góp, tôn
tạo và giữ gìn tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Vũ
Ông Hồ Văn Cường

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2022/TLPT-DS, ngày 18 tháng 4 năm 2022, về việc “Tranh chấp về yêu cầu trích công sức đóng góp, tôn tạo và giữ gìn tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST, ngày 03-03-2022 của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2022/QĐXX-PT, ngày 20 tháng 07 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Phúc H, sinh năm: 1952; địa chỉ: số 60, khu phố Nội Ô A, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: ấp XM 2, xã TP, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Lâm Thị G, sinh năm: 1980; ngụ cùng địa chỉ với nguyên đơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Văn V, Văn phòng luật sư Phan V thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- **Bị đơn:** Cụ Trần Thị Đ, sinh năm: 1930. Địa chỉ: số 2/273, khu phố Nội Ô A, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trần Thị H1, sinh năm: 1965. Địa chỉ: KP2/273, khu phố Nội Ô A, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh (theo giấy ủy quyền lập ngày 30-6-2022); yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị H1, sinh năm: 1965. Địa chỉ: KP2/273, khu phố Nội Ô A, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Chị Lâm Thị G, sinh năm: 1980. đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có mặt.

- **Người kháng cáo:** nguyên đơn – Bà Lâm Thị Phúc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà H trình bày: Bà là con của cụ Đ; từ khi sinh ra đến nay bà sống chung với cụ Đ tại nhà số 60, khu phố 2, thị trấn GD (gọi tắt là nhà số 60) cùng với người em gái cùng mẹ khác cha tên Trần Thị H1. Căn nhà số 60 là của mẹ bà do ông bà ngoại để cho mẹ bà sở hữu, được Ủy ban nhân dân huyện GD cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19-10-2004; diện tích đất 324,4 m²; trên có 02 gian nhà. Năm 1992 mẹ bà và bà cùng xây 01 gian, bà H1 xây 01 gian (do bà H1 ra riêng). Trong thời gian sống chung mẹ bà làm thợ may, bà phụ mẹ may đồ. Thu nhập chủ yếu của gia đình từ tiền công may và vá quần áo thuê.

Năm 2006, mẹ bà và bà xây thêm 01 căn phòng nối tiếp phía sau gian nhà cũ, với giá 100.000.000 đồng. Năm 2013, tiếp tục bỏ tiền ra sửa nhà và làm thêm hàng rào với số tiền khoảng 200.000.000 đồng. Do mẹ bà lập di chúc để lại toàn bộ nhà và đất cho cháu cố là anh Đàm Trần Gia T1 (cháu nội của bà H1) nên không đồng ý. Gia đình có mâu thuẫn nên mẹ bà đuổi mẹ con bà ra khỏi nhà. Nay bà H yêu cầu cụ Đ trả tiền công sức giữ gìn, tôn tạo tài sản là 10 tỷ đồng; sau đó thay đổi yêu cầu đòi chia 1/3 giá trị quyền sử dụng đất theo như giá mà Hội đồng định giá đã định là $6.897.165.362 \text{ đồng} / 3 = 2.299.055.000 \text{ đồng}$

Bị đơn - Cụ Trần Thị Đ trình bày: Về quan hệ gia đình như bà H trình bày là đúng. Nguồn gốc đất của ông bà ngoại cụ tặng cho cụ và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho cụ. Căn nhà có 02 gian, trong đó 01 gian là do cụ xây, 01 gian do bà H1 xây. Khi bà H có con là Chị Lâm Thị G thì cụ nuôi cả bà H và chị G. Bà H và chị G không có bỏ ra khoản tiền nào để xây dựng 02 gian nhà này. Do gia đình cụ có may đồ thuê, bà H chỉ nấu cơm phụ công việc nội trợ trong nhà và không phải chi khoản tiền nào. Ngoài ra, cụ cho thuê khoảng sân trước nhà lấy tiền chi tiêu hàng ngày, xây sửa nhà; các con cụ không ai phải bỏ ra khoản tiền nào để sửa chữa nhà và lo cho cụ. Do cụ lập di chúc để lại tài sản cho cháu cố là anh Đàm Trần Gia T1, bà H biết được thì không đồng ý nên bà H yêu cầu cụ chia tài sản và tự ý bỏ nhà đi cho đến nay. Tuy nhiên, cụ đồng ý hỗ trợ cho bà H 500.000.000 đồng để mẹ con bà H ổn định cuộc sống với điều kiện bà H chấp thuận việc hòa giải, trường hợp bà H không đồng ý hòa giải thì cụ không đồng ý hỗ

trợ cho bà H khoản tiền nào. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho cụ Đ không đồng ý hỗ trợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị H1 trình bày: Nhà và đất là của mẹ bà (cụ Đ) nên do mẹ bà quyết định, bà không có liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị G trình bày: chị cũng đồng ý với ý kiến của bà H, do chị chung sống với bà ngoại (cụ Đ) và mẹ (bà H) từ nhỏ cho đến khi mẹ con chị rời khỏi nhà cụ Đ vào tháng 02-2020. Trong khoảng thời gian này, chị cùng mẹ có công sức đóng góp, tôn tạo và giữ gìn khối tài sản của cụ Đ. Chị G không yêu cầu gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST, ngày 03-03-2022 của Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Căn cứ các điều 147, 157, 165, 217, 218 và 219 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 102 và 212 của Bộ luật Dân sự, Điều 70 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lâm Thị Phúc H.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Bà Lâm Thị Phúc H đối với yêu cầu Cụ Trần Thị Đ trả số tiền 7.663.612.000 đồng (trong đó có phần yêu cầu công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cụ Đ).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 16/03/2022, bà H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng nhà đất do cụ Đ đứng tên mặc dù do cha mẹ cụ Đ tặng cho nhưng thời điểm năm 1953-1954 chồng cụ Đ tập kết ra Bắc và có vợ khác thì tài sản này vẫn là của chung vợ chồng cụ Đ, nên cụ không có quyền định đoạt một mình tài sản này. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm và giữ hồ sơ lại để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa Phúc thẩm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm thẩm chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Về nguồn gốc phần đất diện tích 324,4 m², các đương sự đều thừa nhận là tài sản riêng của cụ Đ; cụ Đ được Ủy ban nhân dân huyện GD cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19-10-2004. Đây là đất ở đô thị, quá trình ở từ năm 1973 đến nay không có việc tôn tạo, bồi bổ đất.

[3] Căn nhà bà H yêu cầu trích công sức đóng góp có diện tích 170,56 m²; cất trên phần đất nêu trên, nhà có giá trị còn lại là 149.333.808 đồng. Bà H cho rằng bà cùng chị G có bỏ tiền ra để xây dựng thêm và sửa chữa 01 gian nhà trong thời gian ở chung với cụ Đ với tổng số tiền khoảng 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, cụ Đ không thừa nhận và cho rằng toàn bộ các chi phí xây, sửa nhà đều do cụ Đ bỏ ra. Đây là tài sản thuộc sở hữu riêng của cụ Đ, tiền làm nhà do cụ cho thuê khoảng sân trước nhà và may vá hàng ngày. Bà H không có chứng cứ gì chứng minh việc có góp công sức hay tiền để xây dựng và sửa chữa nhà. Đối với việc bà H phụ cụ Đ may gia công quần áo, phụ giúp công việc nội trợ và đóng góp các khoản chi phí để phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày trong gia đình đó là nhu cầu thiết yếu về vật chất và tinh thần của bà H cũng như chị G. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ; không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn là hủy án sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy: nguyên đơn yêu cầu trích công sức đóng góp với đất của cụ Đ và căn nhà đang ở chung; ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên đề nghị của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn không nằm trong nội dung thụ lý, giải quyết vụ án này.

[5] Trong quá trình làm việc cụ Đ cũng như người đại diện hợp pháp của cụ Đ đồng ý hỗ trợ cho bà H số tiền 500.000.000 đồng với điều kiện hòa giải thành. Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã nhiều lần làm việc với nguyên đơn nhưng nguyên đơn cũng như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý nhận số tiền này nên không có căn cứ ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: bà H là người cao tuổi và có đơn miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật, các đương sự khác không phải chịu án phí.

[7] Những nội dung khác của bản án không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của Bà Lâm Thị Phúc H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện GD.

Căn cứ các điều 102 và 212 của Bộ luật Dân sự, Điều 70 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lâm Thị Phúc H về việc yêu cầu Cụ Trần Thị Đ thanh toán số tiền 2.299.055.000 đồng.

1.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Bà Lâm Thị Phúc H đối với yêu cầu Cụ Trần Thị Đ trả số tiền 7.663.612.000 đồng (trong đó có phần yêu cầu công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cụ Đ).

1.3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà H phải nộp 5.600.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, 4.400.000 đồng chi phí thẩm định giá lần 01 và 27.500.000 đồng chi phí thẩm định giá lần 02; tổng cộng 37.500.000 đồng. Ghi nhận bà H đã nộp tạm ứng các khoản tiền này và đã chi xong.

2. Về án phí dân sự sơ, phúc thẩm: Bà Lâm Thị Phúc H được miễn nộp tiền án phí. Các đương sự khác không phải chịu án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện GD;
- CCTHADS huyện GD;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Văn Thịnh